

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày 18-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Đoàn

Bà Khúc Thị Minh

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Q Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn C Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2022, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 03/2022/TB-TA ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 04/2022/TB-TA ngày 09 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Dương Đức N, sinh ngày 13 tháng 02 năm 1994; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đức O, sinh năm 1962 và bà Đào Thị T2, sinh năm 1969; tiền án: Bản án số 42/2015/HS-ST ngày 09/9/2015 của Tòa án nhân dân quận K xử phạt Dương Đức N 42 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Bản án số 25/2019/HS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xử phạt Dương Đức N 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2021 đến ngày 14/6/2021 chuyển tạm giam, có mặt.

2. Bùi Minh T, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1988; đăng ký hộ khẩu và chỗ ở: Thôn Đ2, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Bùi Văn T1, sinh năm 1960 và bà Vũ Thị M1, sinh năm 1966; có

vợ là Phạm Thị Ngọc Y, sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/6/2021 đến ngày 14/6/2021 chuyển tạm giam, có mặt.

Bị hại:

- Chị Vũ Thị N1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn T1, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Chị Lưu Thu H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn Đ1, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- Anh Vũ Minh C, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ2, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu nên Bùi Minh T đề xuất với Dương Đức N điều khiển xe mô tô đi lang thang trên địa bàn quận K, huyện K quan sát những người phụ nữ đi trên đường một mình ở nơi vắng người rồi tiếp cận, N1h chóng áp sát và giật tài sản. Từ ngày 03/6/2021 đến ngày 09/6/2021, Bùi Minh T và Dương Đức N đã cùng nhau cướp giật 03 vụ cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/6/2021, Bùi Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave BKS 15N1-261.51, chở Dương Đức N đi trên địa bàn huyện K. Khi đi đến khu vực đường gom cao tốc Hà Nội- Hải Phòng thuộc khu vực thôn K3, xã H, phát hiện chị Vũ Thị N1, sinh năm 1998, trú tại thôn Trung, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup BKS 15AC-00018, đi một mình ngược chiều trên người đeo túi xách. T và N thống nhất quay lại đuổi theo chị N1, rồi áp sát phía bên trái; N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách chị N1 đang đeo trên người, làm chị N1 ngã ra đường. Sau khi giật được túi xách, T tăng ga bỏ chạy đến khu vực đồi Thiên Văn, quận K. N bỏ chiếc túi xách, kiểm tra thấy bên trong túi xách có 01 điện thoại Iphone XS MAX, 01 thẻ căn cước C dân, một số giấy tờ khác và 550.000 đồng. N, T lấy tiền và điện thoại còn giấy tờ, thẻ căn cước C dân và túi xách vứt ở khu vực chân núi. T bán điện thoại Iphone XS MAX cho Vũ Minh C, sinh năm 1988, trú tại thôn Đại Hoàng, xã T, huyện A với giá 1.000.000 đồng. Số tiền có được cả hai chia nhau và chi tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng gold đã qua sử dụng, trị giá: 9.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 07/6/2021, Bùi Minh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 15B3-157.12 chở Dương Đức N đi trên đường N thuộc phường V, quận K, phát hiện chị Lưu Thu H, sinh năm 1988, trú tại thôn Đ1, xã Đ, huyện K điều khiển xe mô tô Yamaha, Jupiter, BKS 15F1-219.95 đi một mình ngược chiều. Bùi Minh T quay xe lại đuổi theo áp sát chị H bên trái, N ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách làm chị H ngã ra đường. T tăng ga bỏ chạy lên khu vực đồi Thiên Văn, quận K; kiểm tra bên trong túi xách có 01 điện thoại di động Iphone XSMAX màu vàng gold, 01 lắc bạc đeo tay, 01 thẻ ATM của mang tên Lưu Thu H cùng một số giấy tờ khác và 3.600.000 đồng. T và N vứt sim điện thoại, túi xách cùng một số giấy tờ ở khu vực chân núi. Sau đó, T và N đi về thị trấn A, huyện A; khi đi qua cầu T thuộc xã Đ, huyện A, T và N vứt thẻ ATM xuống sông và đi đến cửa hàng vàng bạc của ông Lê Văn L, sinh năm 1966, trú tại số 4, khu T, thị trấn A, huyện A bán lắc bạc đeo tay cho ông L được 450.000 đồng. T bán điện thoại Iphone XSMAX cho anh Vũ Minh C được 1.500.000 đồng. Số tiền có được, cả hai chia nhau và ăn tiêu hết.

Kết luận định giá tài sản số 19/KL-ĐG ngày 30/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản quận K kết luận: Chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng màu vàng Iphone Xs Max, trị giá 11.000.000 đồng

Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: 01 túi xách nữ hàng BOLJREN đã qua sử dụng, trị giá 100.000 đồng; 01 lắc đeo tay bằng bạc, đã qua sử dụng trị giá 1.200.000 đồng. Tổng tài sản là 1.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Vào khoảng trưa ngày 09/6/2021, Bùi Minh T và Dương Đức N điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter BKS 15B3-157.12 trên đoạn đường T thuộc phường Q, quận K; T và N cướp giật được 01 chiếc túi xách của một người phụ (chưa xác định được tên tuổi địa chỉ) điều khiển xe mô tô đi một mình. Do trong túi xách không có tài sản gì giá trị nên T và N đã vứt túi xách ở rìa đường trong khi bỏ chạy.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSKT ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Dương Đức N phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Bùi Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, anh Vũ Minh C có hành vi mua 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS MAX đã qua sử dụng của Bùi Minh T và ông Lê Văn L có hành vi

mua chiếc lắc bạc đeo tay của Dương Đức N, nhưng cả anh C và ông L không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý.

Đối với hành vi cướp giật tài sản vào ngày 09/6/2021 tại đường T thuộc phường Q, quận K của Bùi Minh T và Dương Đức N. Hiện nay chưa xác định được người bị hại cụ thể là ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra C an huyện K đã có C văn trao đổi với Cơ quan Cảnh sát điều tra C an quận K để tiếp tục điều tra giải quyết theo thẩm quyền,

Đối với 02 điện thoại Iphone XS MAX màu vàng đã qua sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Vũ Thị N1 và Lưu Thu H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 15N1 - 261.51. Quá trình điều tra, xác định ông Dương Đức O, sinh năm 1962; ĐKHKT: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông O; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 15B3 - 157.12. Quá trình điều tra, xác định bà Vũ Thị M, sinh năm 1966; ĐKHKT: Thôn Đ2, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng là chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà M.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đối với các bị cáo Dương Đức N và Bùi Minh T đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Đức N từ 06 đến 07 năm tù;

+ Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Minh T từ 05 đến 06 năm tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Về dân sự: Các bị hại là chị Lưu Thu H, chị Vũ Thị N1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh C, Nguyễn Văn Q không có yêu cầu đề nghị nào khác nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan C an thu giữ vật chứng là quần áo, mũ của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Ý kiến của bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố là đúng; các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản vụ việc; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được, bản kết luận định giá cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và Công bố Công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Do không có tiền ăn tiêu nên Bùi Minh T đã đề xuất, rủ rê Dương Đức N thực hiện việc cướp giật tài sản của người đi đường, cụ thể các bị cáo đã dùng xe máy, N1h chống áp sát và giật túi xách của chị Vũ Thị N1 vào ngày 03/6/2021 và giật túi xách của chị Lưu Thu H vào ngày 07/6/2021. Tổng trị giá tài sản các bị cáo cướp giật được và qua định giá là 25.450.000 đồng. Các bị cáo N, T là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do nhu cầu cá nhân các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Đức N và Bùi Minh T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Các bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T dùng xe máy để áp sát và giật túi xách của các bị hại là người đang điều khiển xe máy tham gia giao thông trên đường, hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, nhân thân bị cáo Dương Đức N đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên lần phạm tội này bị cáo Dương Đức N còn phải chịu thêm tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào các ngày 03/6/2021 và ngày 07/6/2021, lần phạm tội nào cũng đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng

trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Ngoài ra bị cáo Dương Đức N đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ mà hành vi phạm tội của bị cáo đe dọa xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của bị hại đồng thời còn gây mất trật tự trị an và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân nên cần có mức án nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[6] Xét đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của các bị cáo để có mức án phù hợp, tương xứng với nhân thân và hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Bùi Minh T là người đề xuất, rủ rê bị cáo Dương Đức N phạm tội đồng thời là người thực hành tích cực điều khiển xe máy, tiêu thụ tài sản cướp giật được nên bị cáo T có vai trò cao hơn so với bị cáo N. Bị cáo N phạm tội với trò đồng phạm, là người thực hành tích cực, trực tiếp cướp giật túi xách của bị hại và cùng tham gia ăn tiêu số tài sản cướp giật được. Bị cáo T có vai trò cao hơn so với bị cáo N nhưng nhân thân bị cáo N lại có 02 tiền án chưa được xóa án tích do vậy cần xử mức án của bị cáo N cao hơn so với bị cáo T và phải xử cả hai bị cáo mức án cao trong khung hình phạt mới đảm bảo tính giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy tài liệu xác minh thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về dân sự: Bị hại là chị Vũ Thị N1, chị Lưu Thu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Minh C và anh Nguyễn Văn Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ thể hiện đã được nhận lại tài sản và được bồi thường đầy đủ, không có yêu cầu bồi thường nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 áo sơ mi dài tay kẻ vuông màu xám đen, 01 quần bò sáng màu, loại quần lửng phía trước 02 bên đầu gối có nhiều vết rách thủng, phía sau cạp quần có chữ JEANS NEW FASHION, 01 áo sơ mi dài tay kẻ vuông màu đỏ xanh trắng, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 quần đùi màu đen có sọc xanh hai bên ống quần, 01 đôi dép tông N giới màu đen xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía trước có hoa văn màu vàng đen, 01 áo phông ngắn tay có cổ, có sọc trắng ở cổ và phần tay áo, 01 quần dài màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu trắng, phía trước mũ có phần hình trong suốt, phía trước có chữ ATA, 01 đôi giày thể thao màu đen, đế giày có chữ FASHION là đồ vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d, i khoản 1 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Đức N 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11/6/2021.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 171; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Minh T 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 11 /6/2021.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử: Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi dài tay kẻ vuông màu xám đen, 01 quần bò sáng màu, loại quần lửng phía trước 02 bên đầu gối có nhiều vết rách thủng, phía sau cạp quần có chữ JEANS NEW FASHION, 01 áo sơ mi dài tay kẻ vuông màu đỏ xanh trắng, 01 mũ lưỡi trai màu đen, 01 quần đùi màu đen có sọc xanh hai bên ống quần, 01 đôi dép tông N giới màu đen xanh; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng phía trước có hoa văn màu vàng đen, 01 áo phông ngắn tay có cổ, có sọc trắng ở cổ và phần tay áo, 01 quần dài màu đen, 01 mũ bảo hiểm màu trắng, phía trước mũ có phần hình trong suốt, phía trước có chữ ATA, 01 đôi giày thể thao màu đen, đế giày có chữ FASHION.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng)

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo Dương Đức N, Bùi Minh T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa là chị Vũ Thị N1, Lưu Thu H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là anh Vũ Minh C, Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- C an huyện K;
- Phòng PV06; PC10 C an Hải Phòng
- Chi cục THADS huyện K;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã Q, A;
- UBND xã T, A;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang